TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 93/2021/QĐST-DS	Hà Nội, *ngày* 27 *tháng* 12 *năm* 2021.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 106/2021/TLST-DS "Tranh chấp chia thừa kế" ngày 24 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. **Nguyên đơn**: Bà **Nguyễn Thị Phương H**; Sinh năm: 1975; Căn cước công dân số 00117501XXXX; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: X Tổ X, phường T, quận Đ, thành phố H.

1.2. **Bị đơn**: Bà **Nguyễn Thị Minh N**; sinh năm 1957; căn cước công dân số: 00115700XXXX; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số X, ngõ X đường N, phường N, quận Đ, thành phố H.

1.3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Bà Nguyễn Thị Thanh T (mất năm 2006).

1.3.1.1. Chồng là ông **Lê Khánh D** (sinh năm 1938); chứng minh nhân dân số 07903800xxxx do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 22.12.2015.

1.3.1.2. Con là **Lê Hồng H** (sinh năm 1981); chứng minh nhân dân số 01194XXXX do Công an thành phố H cấp ngày 07.06.2012.

1.3.1.3. Con là **Lê Khánh T** (sinh năm 1984); Giấy chứng minh nhân dân số 01225XXXX do Công an thành phố H cấp ngày 16.6.2012.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số nhà X đường T, quận H, thành phố H.

1.3.1.4. Con là **Lê Ngọc T** (sinh năm 1979); Giấy chứng minh nhân dân số 01194XXXX do Công an thành phố H cấp ngày 30.3.2013.

Đăng ký thường trú tại: Tổ X, T, quận L, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Khánh D, bà Lê Ngọc T, ông Lê Khánh T: bà Lê Hồng H, sinh năm 1981; chứng minh nhân dân số 01194XXXX do Công an thành phố H cấp ngày 07.06.2012; văn bản ủy quyền ngày 02.12.2021 công chứng tại văn phòng công chứng L.

1.3.2. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Ông Nguyễn Đỗ B (mất năm 2003)

1.3.2.1. Vợ là **Trần Thị K** (sinh năm 1954); căn cước công dân số 00115400XXXX do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05.01.2019.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1982; chứng minh nhân dân số 00118200XXXX do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 12.3.2015; văn bản ủy quyền ngày 02.12.2021 công chứng tại văn phòng công chứng L.

1.3.2.2. Con là **Nguyễn Thị Minh H** (sinh năm 1982); chứng minh nhân dân số 00118200XXXX do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 12.3.2015.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số X, ngõ X Q, Tổ X phố G, phường N, quận T, thành phố H.

1.3.2.3. Con là **Nguyễn Thị H1** (sinh năm 1991); căn cước công dân số 00119102XXXX do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02.5.2021.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: X TT Điện máy Tổ X, phường P, quận T, thành phố H.

Bà Nguyễn Thị H1 có mặt.

1.3.2.4. Con là Nguyễn Đình H1 (mất năm 1990) không có vợ con.

1.3.3. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Ông Nguyễn Anh G

(mất năm 2006)

1.3.3.1. Vợ là **Lê Thị Ngọc Y** (sinh năm 1961); căn cước công dân số 00116101XXXX do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25.4.2021.

1.3.3.2. Con là **Nguyễn Quang H** (sinh năm 1990); căn cước công dân số 00109002XXXX do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 30.11.2017.

1.3.3.3. Con là **Nguyễn Quang D** (sinh năm 1995); căn cước công dân số 00109504XXXX do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24.6.2021.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số X, ngõ X đường G, TDP số X phường N, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang H và Nguyễn Quang D: bà **Lê Thị Ngọc Y** (sinh năm 1961); căn cước công dân số 00116101XXXX do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25.4.2021; văn bản ủy quyền ngày 02.12.2021 công chứng tại văn phòng công chứng L.

1.3.4. Ông **Nguyễn Đình Đ** (sinh năm 1963)

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số X, tổ X đường G, phường N, quận T, thành phố H.

Ông Nguyễn Đình Đ bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 04/2012/QĐST-DS ngày 30.03.2012 của Tòa án nhân dân quận T. Người giám hộ: bà Nguyễn Thị Minh N sinh năm 1957; căn cước công dân số: 00115700XXXX; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số X, ngõ X N, phường N, quận Đ, thành phố H; là chị gái ruột theo biên bản cử người làm giám hộ của các thành viên trong gia đình.

1.3.5. Ông **Nguyễn Thanh L** (sinh năm 1970); căn cước công dân số 00107000XXXX do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10.7.2021.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: phố G, phường N, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Lương Thị Thu H** (sinh năm 1974); căn cước công dân số 00117400XXXX do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 14.7.2016; văn bản ủy quyền ngày 02.12.2021 công chứng tại văn phòng công chứng L.

1.3.6. Ông **Nguyễn Đỗ T** (sinh năm 1967); căn cước công dân số 00106701XXXX do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01.5.2021.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số X ngõ X phố G, tổ dân phố số X, khu G, phường N, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1965; căn cước công dân số 03516500XXXX do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01.5.2021; văn bản ủy quyền ngày 02.12.2021 công chứng tại văn phòng công chứng L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Diện và hàng thừa kế của cụ Đỗ Thị T và cụ Nguyễn Đình H2:

Cụ Đỗ Thị T (mất năm 2009) và cụ Nguyễn Đình H2 (mất năm 1985) có 9 người con đẻ; ngoài ra không còn người con chung, con riêng nào khác; cụ thể:

2.1.1. Bà Nguyễn Thị Thanh T (mất năm 2006); Chồng là ông **Lê Khánh D**; Con là **Lê Hồng H**; **Lê Khánh T**; **Lê Ngọc T**.

2.1.2. Ông Nguyễn Đình S; liệt sỹ hy sinh năm 1972 không có vợ con.

2.1.3. Bà Nguyễn Thị Lộc T; chết năm 1972 không có chồng con.

2.1.4. Ông Nguyễn Đỗ B (mất năm 2003); Vợ là **Trần Thị K**; 04 con là: **Nguyễn Thị Minh Hòa**, **Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Phương H** và Nguyễn Đình H1 (mất năm 1990) không có vợ con.

2.1.5. Bà Nguyễn Thị Minh N.

2.1.6. Ông Nguyễn Anh G (mất năm 2006); Vợ là **Lê Thị Ngọc Y**; có 02 con là: **Nguyễn Quang H** và **Nguyễn Quang D**.

2.1.7. Ông **Nguyễn Đình Đ.**

2.1.8. Ông **Nguyễn Thanh L**.

2.1.9. Ông **Nguyễn Đỗ T.**

2.2. Di sản của cụ Đỗ Thị T và Nguyễn Đình H2: Quyền sử dụng 297m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số F48a-104-(6), địa chỉ: tổ X, cụm G, phường N, quận T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 10111010061; hồ sơ gốc số 4489.2000.QĐUB/15747.2000 do UBND thành phố H cấp ngày 31.8.2000 cho bà Đỗ Thị T (chồng là Nguyễn Đình H2 đã chết). Diện tích đất thực đo: 275,5m2; Giá trị di sản thừa kế thỏa thuận theo mức giá do UBND thành phố H ban hành; Chi cục thuế quận Thanh Xuân làm căn cứ tính thuế sử dụng đất hàng năm là: 11.280.000 đồng/m2 x 275,5m2 = 3.107.640.000 đồng. Công trình xây dựng trên đất không xác định giá.

2.3. Cụ Nguyễn Đình H2 chết không để lại di chúc. Thỏa thuận phân chia điều chỉnh lại di chúc của cụ Đỗ Thị T, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường N ngày 31.10.2006 cho phù hợp với hiện trạng thực tế.

2.4. Việc phân chia theo đúng sơ đồ do Công ty cổ phần đo đạc N thực hiện; cụ thể như sau: diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 297m2; diện tích thực đo: 275,5m2. Thống nhất chia theo diện tích thực tế đo, cụ thể như sau:

2.4.1. Chia ông Nguyễn Đỗ T vợ là bà Nguyễn Thị H2 được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 74,6m2 đất có giá trị 841.488.000 đồng; thuộc thửa 127-1 theo sơ đồ; được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 5, 4, 20, 1 và sở hữu nhà, công trình gắn liền với đất được giao.

2.4.2. Chia ông Nguyễn Thanh L vợ là bà Lương Thị Thu H được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 44,5m2 đất có giá trị 501.960.000 đồng; thuộc thửa 127-2 theo sơ đồ; được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 24, 23, 22, 21, 19, 20, 4 và sở hữu nhà, công trình gắn liền với đất được giao.

2.4.3. Chia bà Nguyễn Thị Phương H, Nguyễn Thị H1 được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 45,8m2 đất có giá trị 516.624.000 đồng; thuộc thửa 127-3 theo sơ đồ; được giới hạn bởi các điểm 6, 7, 8, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 6 và sở hữu nhà, công trình gắn liền với đất được giao.

2.4.4. Chia bà Nguyễn Thị Minh N được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 46,3m2 đất có giá trị 522.264.000 đồng; thuộc thửa 127-4 theo sơ đồ; được giới hạn bởi các điểm 8, 9, 10, 25, 26, 17, 18, 8 và sở hữu nhà, công trình gắn liền với đất được giao.

2.4.5. Chia ông Nguyễn Quang H, Nguyễn Quang D, bà Lê Thị Ngọc Y được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 64,3m2 đất có giá trị 725.304.000 đồng; thuộc thửa 127-5 theo sơ đồ; được giới hạn bởi các điểm 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 26, 25, 10 và sở hữu nhà, công trình gắn liền với đất được giao.

Việc phân chia có sơ đồ cụ thể kèm theo.

2.5. Các bên không phải thanh toán giá trị chênh lệch cho nhau, tự phân chia sử dụng ổn định và có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

2.6. Về án phí:

Ông Nguyễn Đỗ T và bà Nguyễn Thị H2 được chia quyền sử dụng đất có giá trị 841.488.000 đồng phải chịu 18.622.320 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Thanh L và bà Lương Thị Thu H được quyền sử dụng đất có giá trị 501.960.000 đồng phải chịu 12.039.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Nguyễn Thị Phương H, Nguyễn Thị H1 được chia quyền sử dụng đất

có giá trị 516.624.000 đồng phải chịu 12.332.480 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được trừ vào số tiền 14.332.480 đồng tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Phương H đã nộp theo biên lai số AA/2020/0007167 ngày 24.11.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà Nguyễn Thị Phương H được nhận lại 1.667.520 đồng còn thừa.

Bà Nguyễn Thị Minh N được miễn án phí.

Ông Nguyễn Quang H, Nguyễn Quang D, bà Lê Thị Ngọc Y được chia quyền sử dụng đất có giá trị 725.304.000 đồng; phải chịu 16.506.080 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phương Thảo